

Số: 1003/2018/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 20 tháng 8 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 941/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn”, giữa:

Ông **Trần Liên S**, sinh năm 1991;

Thường trú: Thị trấn LH, huyện TP, tỉnh BT.

Tạm trú: Ấp 4, xã XTT, huyện HM, TP.HCM.

Bà **Đoàn Thị Xuân T**, sinh năm 1995;

Thường trú: Thôn GG, xã HH, huyện NH, tỉnh NT.

Tạm trú: Tổ 18, khu phố 2, phường TTN, Quận 12, TP.HCM.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Liên S và bà Đoàn Thị X Tuyền.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Liên S và bà Đoàn Thị Xuân T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông S và bà T xác định hai bên có 01 (một) con chung là trẻ Trần Liên H, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2014. Sau khi ly hôn, ông S và bà T thống nhất giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên cũng thỏa thuận ông S cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng) cho đến khi trẻ Liên H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đoàn Thị Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Liên S không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông S còn phải

chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Ông S và bà T xác định hai bên không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Ông S và bà T xác định hai bên không có nợ chung.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Trần Liên S tự nguyện thỏa thuận chịu, ông Sơn còn phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí do phải cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông S đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm số 0002026 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Ông Trần Liên S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đào Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 331/2013, quyển số II/2013 ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Trần Liên S và bà Đoàn Thị Xuân T không còn giá trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- UBND Thị trấn LH, huyện TP, tỉnh BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Sơn